

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Liêu Khăng;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 393/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **NĐ**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp Tb, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông **BĐ**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp Tb, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Hiện đang bị giam tại Trại giam Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà NĐ trình bày như sau:** Bà và ông BĐ tự tìm hiểu và kết hôn vào năm 2002, hôn nhân lần thứ hai của bà và lần thứ nhất của ông BĐ. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 15/5/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tới năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng ý kiến, ông BĐ ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2018, ông BĐ vi phạm pháp luật nên bị tù giam và hiện đang chấp hành án. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông BĐ; Về con chung: vợ chồng ông bà có 01 con chung tên C1, sinh ngày 02/11/2002, hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Lời khai của ông BĐ tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2022 như sau: Ông và bà NĐ tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn là do ông vi phạm pháp luật nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà NĐ yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn; Về con chung: có 01 con chung tên C1, sinh ngày 02/11/2002, hiện nay đã trưởng thành và có khả năng tự lao động được; Về tài sản chung và nợ chung: không có. Do ông đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành, không thể tham dự theo triệu tập của Tòa án được nên ông xin được vắng mặt các phiên họp, hòa giải, đối chất, vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NĐ được ly hôn với ông BĐ. Về con chung: không xem xét; Tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Bà NĐ yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bà NĐ (là nguyên đơn trong vụ án) và ông BĐ (là bị đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà NĐ, ông BĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà NĐ và ông BĐ kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 15/5/2008 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng bà NĐ và ông BĐ phát sinh mâu thuẫn, bà NĐ xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, bà NĐ cho rằng ông BĐ ghen tuông vô cớ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà NĐ yêu cầu ly hôn, ông BĐ cũng chấp nhận yêu cầu ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa bà NĐ và ông BĐ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân thực tế đã không còn tồn tại, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà NĐ được ly hôn với ông BĐ.

[2.2] Về con chung:

Vợ chồng ông bà có 01 con chung tên C1, sinh ngày 02/11/2002, hiện nay đã trưởng thành và có khả năng tự lao động được nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà NĐ không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà NĐ và ông BĐ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà NĐ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà NĐ đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NĐ.

- Về hôn nhân: Bà NĐ được ly hôn với ông BĐ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 49-KH, quyền số 01-2008, ngày 15/5/2008 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho bà NĐ và ông BĐ không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên C1, sinh ngày 02/11/2002, hiện nay đã trưởng thành và có khả năng tự lao động được nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà NĐ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà NĐ và ông BĐ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án sơ thẩm: Bà NĐ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009351 ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Ông BĐ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà NĐ và ông BĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Trạch;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân